

Số: /QĐ-UBND

Gia Lai, ngày tháng năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành Kế hoạch Chuyển đổi số tỉnh Gia Lai
giai đoạn 2026 - 2030

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Căn cứ Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Căn cứ Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung, cập nhật Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 sửa đổi, bổ sung, cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Căn cứ Nghị quyết số 214/NQ-CP ngày 23/7/2025 của Chính phủ ban hành Kế hoạch hành động của Chính phủ về thúc đẩy tạo lập dữ liệu phục vụ chuyển đổi số toàn diện;

Căn cứ Nghị định số 269/2025/NĐ-CP ngày 14/10/2025 của Chính phủ về phát triển đô thị thông minh;

Căn cứ Quyết định số 1132/QĐ-TTg ngày 09/10/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược hạ tầng số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 2439/QĐ-TTg ngày 04/11/2025 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Khung kiến trúc dữ liệu quốc gia, Khung quản trị, quản lý dữ liệu quốc gia, Từ điển dữ liệu dùng chung (phiên bản 1.0);

Căn cứ Quyết định số 2629/QĐ-TTg ngày 01/12/2025 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình phát triển Chính phủ số;

Căn cứ Kế hoạch hành động số 22/KH/TU ngày 03/9/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Gia Lai về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia trên địa bàn tỉnh Gia Lai;

Căn cứ Kế hoạch số 105/KH-UBND ngày 07/10/2025 của UBND tỉnh thực hiện Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ và Kế hoạch hành động số 22-KH/TU ngày 03/9/2025 của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia trên địa bàn tỉnh Gia Lai;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch Chuyển đổi số tỉnh Gia Lai giai đoạn 2026 – 2030.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ; Thủ trưởng các sở, ban, ngành thuộc tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Công an;
- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Lãnh đạo Văn phòng;
- Trung tâm PVHHCC tỉnh;
- Lưu: VT, V1, V9.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lâm Hải Giang

KẾ HOẠCH

Chuyển đổi số tỉnh Gia Lai giai đoạn 2026 – 2030

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai)

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Đến năm 2030, Gia Lai trở thành một trong những địa phương dẫn đầu về chuyển đổi số trong khu vực miền Trung và Tây Nguyên; xây dựng chính quyền số vận hành dựa trên dữ liệu theo thời gian thực; kinh tế số trở thành động lực tăng trưởng quan trọng; xã hội số phát triển bao trùm, an toàn, thu hẹp khoảng cách số giữa các vùng trong tỉnh, cụ thể:

- Về chính quyền số: Xây dựng chính quyền số hai cấp hiện đại, minh bạch, hiệu quả; triển khai thủ tục hành chính, điều hành công vụ trên môi trường số, không phụ thuộc địa giới hành chính. Phấn đấu Gia Lai nằm trong nhóm 10 tỉnh dẫn đầu cả nước về chỉ số phát triển chính quyền số và cung cấp dịch vụ công toàn trình.

- Về kinh tế số: Đẩy mạnh phát triển các mô hình kinh tế số, thương mại điện tử. Đến năm 2030, kinh tế số chiếm tối thiểu 30% GRDP của tỉnh; lĩnh vực ưu tiên gồm: nông nghiệp, du lịch, xây dựng, logistics...

- Về xã hội số: Xây dựng xã hội số toàn diện, người dân được phổ cập kỹ năng số, sử dụng thành thạo dịch vụ công, nâng cao chất lượng cuộc sống người dân thông qua các dịch vụ số thiết yếu về các lĩnh vực y tế, giáo dục, giao thông.

2. Mục tiêu, chỉ tiêu chủ yếu đến năm 2030

2.1. Phát triển chính quyền số, nâng cao hiệu quả, hiệu lực hoạt động

a) Cung cấp dịch vụ số thông minh

** Giai đoạn năm 2026 - 2027*

- 95% người dân, doanh nghiệp đánh giá hài lòng khi sử dụng dịch vụ công trực tuyến.

- 50% dân số trưởng thành có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân.

** Giai đoạn 2028 - 2030*

- 99% người dân, doanh nghiệp đánh giá hài lòng khi sử dụng dịch vụ công

trực tuyến.

- 70% dữ liệu mở được công bố có lượt truy cập, sử dụng lại hoặc tích hợp vào nền tảng bên ngoài, trong đó có ít nhất 30 sáng kiến đổi mới sáng tạo hoặc sản phẩm dịch vụ kinh tế sử dụng dữ liệu mở do cơ quan nhà nước công bố.

- 100% hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính được số hóa, tái sử dụng trong tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính.

- 70% dân số trưởng thành có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân.

b) Cơ quan nhà nước quản lý, chỉ đạo, điều hành thông minh, an toàn dựa trên dữ liệu

** Giai đoạn năm 2026 - 2027*

- 100% thủ tục hành chính nội bộ trong từng cơ quan hành chính nhà nước được thực hiện quản trị nội bộ trên môi trường điện tử.

- 100% các nền tảng số quốc gia, nền tảng số dùng chung của ngành, lĩnh vực phục vụ chính quyền số được triển khai, kết nối và đưa vào sử dụng theo đúng kế hoạch.

- Mức độ trưởng thành về quản trị dữ liệu của tỉnh đạt cấp độ 3.

- 80% cán bộ, công chức, viên chức thường xuyên sử dụng trợ lý ảo hoặc công cụ số thông minh để hỗ trợ thực thi công vụ nhằm nâng cao hiệu suất làm việc.

- 90% cơ quan, tổ chức sử dụng ít nhất 01 ứng dụng AI để phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành, cải cách hành chính.

- 100% cán bộ, công chức, viên chức được đào tạo kỹ năng số cơ bản.

- 50% cán bộ chuyên trách về công nghệ thông tin, dữ liệu của địa phương được đào tạo quản trị dữ liệu cơ bản.

** Giai đoạn năm 2028 - 2030*

- Mức độ trưởng thành về quản trị dữ liệu của tỉnh đạt cấp độ 5¹.

- 100% hệ thống thông tin được kết nối, chia sẻ dữ liệu qua dịch vụ chia sẻ dữ liệu.

- Trung tâm giám sát, điều hành thông minh (Trung tâm IOC) được nâng cấp, ứng dụng AI trong phân tích, dự báo và cảnh báo sớm các chỉ tiêu kinh tế - xã hội.

- 100% cán bộ, công chức, viên chức thường xuyên sử dụng trợ lý ảo hoặc công cụ số thông minh để hỗ trợ thực thi công vụ nhằm nâng cao hiệu suất làm việc.

¹ Quyết định số 2439/QĐ-TTg ngày 04/11/2025 của Thủ tướng Chính phủ

- 100% cơ quan, tổ chức sử dụng ít nhất 01 ứng dụng AI để phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành, cải cách hành chính.

- 90% phản hồi, góp ý của người dân từ Công dịch vụ công quốc gia, mạng xã hội, hệ thống phản ánh hiện trường,... được trợ lý ảo hỗ trợ xử lý.

- 100% nhiệm vụ của các cơ quan hành chính thực hiện được theo dõi, quản lý trên môi trường số.

- 100% các cơ quan nhà nước thực hiện chỉ đạo, điều hành, quản trị nội bộ trên môi trường số.

- 100% cán bộ chuyên trách về công nghệ thông tin, dữ liệu của địa phương được đào tạo quản trị dữ liệu cơ bản.

- Có tối thiểu 01 dự án đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ phát triển chính quyền số áp dụng mô hình hợp tác công tư (PPP).

- 100% các hệ thống thông tin phục vụ phát triển chính quyền số phải được phê duyệt hồ sơ đề xuất bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng theo cấp độ trước khi đưa vào vận hành, sử dụng; được kiểm tra, đánh giá mức độ bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng định kỳ.

- 100% cơ quan nhà nước, doanh nghiệp nhà nước sử dụng các dịch vụ điện toán đám mây do doanh nghiệp trong nước cung cấp.

2.2. Phát triển kinh tế số, nâng cao năng lực cạnh tranh, thúc đẩy tăng trưởng hai con số của nền kinh tế

- Phần đầu tỷ trọng kinh tế số đạt tối thiểu 30% GRDP để góp phần vào mục tiêu tăng trưởng kinh tế hai con số của cả giai đoạn.

- Tỷ trọng kinh tế số trong từng ngành, lĩnh vực đạt tối thiểu 20%.

- Tỷ trọng thương mại điện tử trong tổng mức bán lẻ đạt trên 20%.

- Tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng nền tảng hợp đồng điện tử đạt 100%.

- Tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nền tảng số đạt trên 70%.

- Tỷ lệ nhân lực lao động kinh tế số trong lực lượng lao động đạt trên 3%.

2.3. Phát triển xã hội số, thu hẹp khoảng cách số

- Tỷ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên có tài khoản tại ngân hàng hoặc tổ chức được phép khác đạt tối thiểu 95%.

- Tỷ lệ người dân có Sổ sức khỏe điện tử đạt tối thiểu 95%.

- Tỷ lệ người dân biết kỹ năng về công nghệ thông tin và truyền thông cơ bản đạt tối thiểu 95%.

- Tỷ lệ hộ gia đình được phủ mạng Internet băng rộng cáp quang đạt 100%.

- Tỷ lệ dân số trưởng thành dùng dịch vụ tư vấn sức khỏe trực tuyến, khám

chữa bệnh từ xa đạt trên 70%.

II. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM

1. Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành; kiểm tra, giám sát hoạt động chuyển đổi số

- Người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, địa phương chịu trách nhiệm trực tiếp về kết quả chuyển đổi số trong phạm vi quản lý.

- Vận hành hiệu quả Trung tâm IOC để thực hiện giám sát, chỉ đạo, điều hành các chỉ tiêu kinh tế - xã hội, dịch vụ công, an toàn thông tin theo thời gian thực nói chung và các nhiệm vụ về chuyển đổi số nói riêng.

- Định kỳ hằng năm tổ chức đánh giá, xếp hạng mức độ chuyển đổi số của các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh. Công bố kết quả đánh giá công khai để đôn đốc, nhắc nhở các đơn vị thực hiện chưa tốt.

2. Về thể chế, chính sách

- Rà soát, xây dựng và hoàn thiện các quy định, quy chế, tiêu chuẩn, định mức kỹ thuật và cơ chế phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị. Trong đó, ưu tiên ban hành quy chế quản trị dữ liệu cấp tỉnh, quy định rõ trách nhiệm, quyền hạn, phương thức thu thập, lưu trữ, chia sẻ, sử dụng và thương mại hóa dữ liệu của các cơ quan nhà nước, doanh nghiệp và tổ chức liên quan; đồng thời xác lập các tiêu chuẩn về API mở, liên thông dữ liệu, bảo vệ dữ liệu cá nhân và chủ quyền dữ liệu địa phương.

- Thiết lập cơ chế hợp tác công - tư (PPP) trong lĩnh vực dữ liệu và nền tảng số, thí điểm các mô hình “đặt hàng - đối ứng - đồng tài trợ” đối với các dự án đầu tư hạ tầng, dữ liệu và dịch vụ số.

- Đổi mới phương thức quản trị của chính quyền số, chuyển từ mô hình “quản lý theo hồ sơ - văn bản” sang “quản trị theo dữ liệu và kết quả đầu ra”. Các quyết định chỉ đạo, điều hành của tỉnh sẽ dựa trên phân tích dữ liệu thời gian thực, được tổng hợp từ Kho dữ liệu dùng chung và các nền tảng giám sát, dự báo thông minh. Mỗi cơ quan, đơn vị sẽ chịu trách nhiệm về chất lượng, tính kịp thời và khả năng chia sẻ của dữ liệu trong phạm vi phụ trách.

3. Hạ tầng số

- Tập trung phát triển hạ tầng viễn thông và Internet theo hướng hiện đại, đồng bộ, chất lượng cao, bảo đảm vai trò nền tảng cho phát triển kinh tế số, xã hội số và chính quyền số, cụ thể như sau:

+ Tổ chức triển khai mạng băng rộng di động thế hệ mới (5G) trên địa bàn tỉnh; ưu tiên các khu vực đô thị, khu công nghiệp, khu kinh tế, trung tâm hành chính, y tế, giáo dục và các trục giao thông trọng điểm.

+ Phủ cáp quang 100% xã/phường đảm bảo kết nối băng thông rộng tốc độ

cao cho toàn dân. Khuyến khích các doanh nghiệp viễn thông đầu tư trạm thu phát sóng nhỏ, đảm bảo không còn “vùng lõm kết nối”.

+ Tổ chức thực hiện việc ngầm hóa hệ thống cáp viễn thông, cáp truyền hình theo quy hoạch; tăng cường quản lý, giám sát việc sử dụng chung hạ tầng kỹ thuật giữa các ngành viễn thông, điện lực, cấp thoát nước, giao thông và chiếu sáng đô thị.

- Mở rộng hạ tầng Internet vạn vật (IoT) để phục vụ các lĩnh vực như quản lý giao thông, chiếu sáng đô thị, giám sát môi trường, quản lý nông nghiệp, logistics, an ninh trật tự và phòng chống thiên tai. Mỗi lĩnh vực sẽ có hệ thống cảm biến, thiết bị đầu cuối, nền tảng kết nối và cơ chế chia sẻ dữ liệu liên ngành, bảo đảm tính đồng bộ, tương thích và tiết kiệm đầu tư.

- Triển khai mạng truyền số liệu chuyên dùng (TSLCD) ổn định, an toàn, thông suốt, từ cấp tỉnh đến cấp xã trên cơ sở tái cấu trúc mạng TSLCD hiện có và mạng diện rộng của tỉnh. Thực hiện dịch chuyển ứng dụng, nền tảng dùng chung cấp quốc gia, ngành, lĩnh vực, vùng và của bộ, ngành, địa phương lên mạng TSLCD để bảo đảm kết nối thông suốt, an toàn, đồng bộ theo quy định tại Quyết định số 33/2025/QĐ-TTg ngày 15/9/2025 của Thủ tướng Chính phủ.

- Xây dựng, nâng cấp Trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh theo mô hình điện toán đám mây, kết nối với hệ thống đám mây của Chính phủ nhằm tạo môi trường để lưu trữ, chia sẻ tài nguyên, phát triển dịch vụ được linh hoạt, hiệu quả, nhanh chóng. Đẩy nhanh tốc độ di chuyển các hệ thống thông tin của tỉnh lên nền tảng điện toán đám mây dùng chung quốc gia để đảm bảo an toàn, giảm đầu tư phân tán theo Quy định số 05-QĐ/BCĐTW ngày 27/8/2025 của Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số về Mô hình liên thông số thống nhất, hiệu quả và quản trị dựa trên dữ liệu trong hệ thống chính trị.

- Nâng cấp, mở rộng Trung tâm IOC để thực hiện quản lý, điều hành tập trung, đa nhiệm phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Đảm bảo tích hợp các hệ thống camera trên địa bàn tỉnh về Trung tâm IOC để phục vụ giám sát và điều hành giao thông, an ninh trật tự theo Quyết định số 2423/QĐ-UBND ngày 29/10/2025 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Đề án xây dựng Trung tâm giám sát, điều hành thông minh tỉnh Gia Lai.

- Thực hiện nghiêm túc "Chương trình thúc đẩy, triển khai, chuyển đổi IPv6" đảm bảo 100% hệ thống thông tin dùng chung, Cổng/Trang thông tin điện tử của cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh được triển khai, vận hành trên nền IPv6.

4. Nhân lực số

- Bố trí, kiện toàn nhân lực chuyên trách công nghệ thông tin, chuyển đổi số tại các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh.

- Thu hút chuyên gia, nhân lực CNTT tập đoàn, doanh nghiệp công nghệ

đến tinh đầu tư, làm việc.

- Tổ chức đào tạo, tập huấn, cập nhật kiến thức, kỹ năng về chuyển đổi số, công nghệ số cho lãnh đạo và cán bộ, công chức, viên chức; trong đó, bồi dưỡng về quản trị dựa trên dữ liệu cho đội ngũ lãnh đạo các cấp.

5. Phát triển dữ liệu số

Dữ liệu số là hạt nhân của chuyển đổi số, là cơ sở để chính quyền ra quyết định dựa trên bằng chứng, để doanh nghiệp sáng tạo sản phẩm - dịch vụ mới, và để người dân được phục vụ nhanh hơn, chính xác hơn, thuận tiện hơn. Các nhiệm vụ trọng tâm gồm:

- Xây dựng Kho dữ liệu dùng chung của tỉnh; tập trung dữ liệu từ các ngành trọng điểm: Đất đai, xây dựng, y tế, giáo dục, doanh nghiệp. Triển khai các công cụ rà soát, làm sạch, chuẩn hóa dữ liệu, đảm bảo dữ liệu "đúng, đủ, sạch, sống, thống nhất, dùng chung". Nâng cao mức độ trưởng thành về quản trị dữ liệu lên cấp độ 4 - 5.

- Công bố dữ liệu mở phục vụ người dân và doanh nghiệp khai thác, tạo ra giá trị mới, như: dữ liệu quan trắc môi trường, dữ liệu quy hoạch, doanh nghiệp, báo chí, đổi mới sáng tạo, thị trường lao động, việc làm, nhu cầu tuyển dụng lao động...

- Nâng cấp nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu (LGSP) đáp ứng tiêu chuẩn của Quốc gia; 100% CSDL chuyên ngành và hệ thống thông tin của các sở, ban, ngành, địa phương phải được kết nối và chia sẻ với LGSP (trừ các CSDL có tính đặc thù), đảm bảo khả năng liên thông dữ liệu thông suốt giữa các cơ quan và với nền tảng quốc gia.

- Kết hợp khai thác sử dụng dữ liệu và ứng dụng AI đối với 100% thủ tục hành chính có đủ điều kiện cung cấp trực tuyến, nâng cao hiệu quả của bộ máy hành chính nhà nước và cung cấp dịch vụ công phục vụ người dân, doanh nghiệp; xây dựng tối thiểu 01 mô hình dự đoán, dự báo, cảnh báo phục vụ quản lý điều hành.

- Phát triển thị trường dữ liệu, hoàn thành thí điểm, thử nghiệm tối thiểu 01 sản phẩm dịch vụ dữ liệu tạo môi trường mua bán, trao đổi dữ liệu có sự giám sát đảm bảo an toàn, tuân thủ quy định của pháp luật; phát triển các dịch vụ dữ liệu (tổng hợp, phân tích, dán nhãn dữ liệu...) tạo thêm nhiều cơ hội việc làm cho người dân, nhất là người có hoàn cảnh khó khăn và người khuyết tật; xuất khẩu tri thức của lao động tỉnh ra nước ngoài dựa trên các công việc mới với dữ liệu.

6. An toàn thông tin mạng

- Xây dựng năng lực phòng thủ chủ động, quản trị rủi ro toàn diện và bảo vệ chủ quyền dữ liệu địa phương. Xây dựng, triển khai Trung tâm an ninh mạng cấp tỉnh; mở rộng phạm vi giám sát đến toàn bộ hệ thống thông tin của các sở, ngành, xã/phường, các đơn vị cung cấp dịch vụ công trực tuyến và các doanh

nghiệp hạ tầng quan trọng.

- Thường xuyên rà soát, cập nhật, phê duyệt cấp độ an toàn hệ thống thông tin và triển khai phương án bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ. Đảm bảo 100% hệ thống thông tin được phê duyệt an toàn hệ thống thông tin và triển khai phương án bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ.

- Triển khai các giải pháp bảo vệ dữ liệu cá nhân, chống lộ lọt dữ liệu đảm bảo tuân thủ nghiêm ngặt Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân theo quy định. Triển khai chương trình “An toàn thông tin cộng đồng” đến từng xã, phường, trường học và doanh nghiệp, nhằm phổ cập kiến thức về bảo mật cá nhân, nhận diện tấn công lừa đảo, bảo vệ thiết bị và dữ liệu cá nhân.

7. Chính quyền số

- Triển khai chính quyền số đồng bộ hai cấp hành chính, bảo đảm đồng bộ thống nhất các nền tảng số trong chỉ đạo, điều hành và phục vụ người dân, doanh nghiệp. Các thủ tục hành chính có tần suất cao trong các lĩnh vực như đất đai, tư pháp, y tế, giáo dục, lao động - việc làm, đầu tư - kinh doanh, bảo hiểm xã hội... sẽ được ưu tiên số hóa toàn bộ quy trình, hướng tới mục tiêu “một lần khai báo - nhiều lần sử dụng, không yêu cầu giấy tờ đã có trong cơ sở dữ liệu”.

- Ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong hoạt động công vụ. Trợ lý số công vụ được tích hợp trực tiếp vào hệ thống văn phòng điện tử và Kho dữ liệu dùng chung, giúp tiết kiệm thời gian, nâng cao năng suất lao động, giảm sai sót và tăng tính nhất quán trong điều hành.

- Xây dựng hệ thống thông tin báo cáo và triển khai đến tất cả các ngành, địa phương trên địa bàn tỉnh, từng bước tự động hóa công tác báo cáo, thống kê phục vụ sự chỉ đạo, điều hành nhanh chóng, kịp thời và kết nối với hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ.

8. Kinh tế số

- Đưa vào triển khai 100% sản phẩm OCOP và sản phẩm đặc trưng địa phương lên các sàn thương mại điện tử, áp dụng truy xuất nguồn gốc điện tử và chứng nhận số để minh bạch thông tin sản phẩm. Khuyến khích thanh toán điện tử, hóa đơn và hợp đồng số trong mọi hoạt động giao dịch.

- Phát triển doanh nghiệp công nghệ số làm lực lượng nòng cốt. Đến năm 2030, trên 70% doanh nghiệp và hợp tác xã sẽ sử dụng nền tảng số trong quản trị, sản xuất, kinh doanh; 100% doanh nghiệp sử dụng hợp đồng điện tử và ít nhất 30% doanh nghiệp nhỏ và vừa đổi mới quy trình hoặc mô hình kinh doanh dựa trên công nghệ số.

- Triển khai đồng bộ chương trình hỗ trợ chuyển đổi số cho doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh, bao gồm tư vấn, đào tạo, hỗ trợ chi phí thuê nền tảng và bảo đảm an toàn dữ liệu. Khuyến khích áp dụng AI, IoT, dữ liệu lớn (Big Data) trong sản xuất, kinh doanh và quản trị chuỗi cung ứng; đồng thời phát triển các

mô hình kinh tế nền tảng, kinh tế chia sẻ trong du lịch, vận tải, thương mại dịch vụ và nông nghiệp.

9. Xã hội số

Phát triển toàn diện hạ tầng và nền tảng phục vụ xã hội số, bao gồm giáo dục, y tế, văn hóa, an sinh, môi trường và đời sống cộng đồng:

- Triển khai nền tảng dạy và học trực tuyến (LMS) tích hợp kho học liệu số dùng chung, hỗ trợ giáo viên và người học tham gia hiệu quả các hoạt động giáo dục trực tuyến. Xây dựng và triển khai mô hình Trường học số trên địa bàn tỉnh.

- Triển khai hồ sơ sức khỏe điện tử toàn dân; ứng dụng AI và IoT trong chẩn đoán, giám sát sức khỏe từ xa. Các bệnh viện, trạm y tế triển khai hệ thống bệnh án điện tử, kê đơn thuốc số, thanh toán không tiền mặt, hướng tới mô hình bệnh viện số - y tế thông minh, đặc biệt tại cấp tỉnh.

- An sinh xã hội số được triển khai gắn với định danh điện tử công dân (VNeID), nhằm bảo đảm minh bạch, nhanh chóng và đúng đối tượng trong chi trả trợ cấp, bảo hiểm, hỗ trợ người yếu thế. Các chương trình giảm nghèo, hỗ trợ việc làm, đào tạo nghề, bảo hiểm y tế, giáo dục và nhà ở xã hội sẽ được số hóa dữ liệu và quy trình quản lý, hình thành “cơ sở dữ liệu an sinh thống nhất toàn tỉnh”, phục vụ giám sát, đánh giá và hoạch định chính sách xã hội hiệu quả hơn

III. GIẢI PHÁP

1. Phát huy, nâng cao năng lực lãnh đạo, điều hành chuyển đổi số

- Gắn kết chặt chẽ mục tiêu, nhiệm vụ chuyển đổi số với các nghị quyết, chiến lược, chương trình phát triển kinh tế – xã hội, quốc phòng và an ninh của từng cấp, từng ngành; đặc biệt là thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh, nhiệm kỳ 2025 - 2030.

- Người đứng đầu cơ quan, đơn vị, địa phương chịu trách nhiệm trực tiếp về chuyển đổi số tại cơ quan, đơn vị, trên địa bàn phụ trách; tái cấu trúc mô hình hoạt động, quy trình nghiệp vụ từ “truyền thống” sang “số hóa dựa trên dữ liệu”; đồng thời quán triệt, nâng cao nhận thức của cán bộ, đảng viên, người dân và doanh nghiệp.

- Tăng cường vai trò chỉ đạo, điều phối thống nhất trong triển khai phát triển hạ tầng số, viễn thông và Internet trên địa bàn tỉnh, bảo đảm gắn kết chặt chẽ với chương trình cải cách hành chính và phát triển hạ tầng kỹ thuật.

2. Đẩy mạnh công tác truyền thông, nâng cao nhận thức, bồi dưỡng kỹ năng số cho CBCC, người dân, doanh nghiệp

- Đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức và kỹ năng số cho toàn xã hội, trong đó chú trọng (i) phổ cập kỹ năng số cơ bản, hướng dẫn người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến và kỹ năng bảo đảm an toàn thông tin, bảo vệ dữ liệu cá nhân, (ii) xây dựng các chuyên mục “Chuyển đổi số” trên Cổng

thông tin điện tử, báo chí, truyền thông, (iii) tổ chức hội nghị, hội thảo, tọa đàm, các cuộc thi trực tuyến để chia sẻ kinh nghiệm, mô hình, giải pháp chuyển đổi số. Lồng ghép nội dung nâng cao kỹ năng số cơ bản với việc sử dụng các dịch vụ Internet, dịch vụ số trong các chương trình đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức và các hoạt động phổ cập kỹ năng số cho cộng đồng.

- Tổ chức triển khai các chương trình tuyên truyền, phổ biến kiến thức về chuyển đổi số; mở rộng các khóa học trực tuyến đại chúng (MOOCs) nhằm trang bị kiến thức cơ bản cho người dân về chuyển đổi số, sử dụng, quản lý và bảo vệ dữ liệu cá nhân, cũng như kỹ năng khai thác và làm việc trên môi trường số.

- Thiết lập các kênh hỗ trợ chuyển đổi số, vừa cung cấp thông tin, hướng dẫn, vừa là kênh tiếp nhận phản ánh, góp ý, giám sát việc xây dựng và triển khai chính sách, pháp luật về chuyển đổi số.

3. Phát triển, thu hút nguồn nhân lực chuyển đổi số

- Thường xuyên tổ chức đào tạo, tập huấn nâng cao kỹ năng chuyển đổi số cho lãnh đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương; bồi dưỡng kỹ năng tham mưu, quản lý dữ liệu số, phân tích - xử lý - khai thác dữ liệu, bảo đảm an toàn thông tin cho đội ngũ cán bộ tham mưu trực tiếp, công chức, viên chức trong toàn hệ thống.

- Hợp tác với các cơ quan, tổ chức liên quan, doanh nghiệp công nghệ để thu hút chuyên gia, nguồn lực, tìm hiểu giải pháp, công nghệ phục vụ chuyển đổi số, phát triển các ngành, lĩnh vực đang có xu hướng phát triển như dữ liệu, bán dẫn.

4. Nghiên cứu, hợp tác để làm chủ, ứng dụng hiệu quả các công nghệ

- Tăng cường hợp tác với các doanh nghiệp viễn thông, doanh nghiệp công nghệ trong nghiên cứu, ứng dụng và triển khai các công nghệ mới liên quan đến hạ tầng viễn thông và Internet như mạng băng rộng tốc độ cao, mạng di động thế hệ mới, hạ tầng kỹ thuật thụ động dùng chung.

- Khuyến khích triển khai các mô hình thí điểm ứng dụng công nghệ mới gắn với phát triển đô thị thông minh, khu công nghiệp, khu kinh tế, y tế, giáo dục và giao thông thông minh.

- Ưu tiên các nghiên cứu ứng dụng trong lĩnh vực khoa học dữ liệu, trí tuệ nhân tạo; khuyến khích hợp tác, chuyển giao công nghệ, mở rộng ứng dụng vào quản lý Nhà nước và phát triển kinh tế - xã hội, đặc biệt trong các bài toán quản lý đô thị thông minh (giao thông, môi trường...).

5. Đảm bảo nguồn lực tài chính

Khuyến khích huy động các nguồn lực hợp pháp khác, xã hội hóa đầu tư trong phát triển hạ tầng viễn thông và Internet; tạo điều kiện thuận lợi về quy hoạch, mặt bằng, thủ tục đầu tư để doanh nghiệp viễn thông triển khai các dự án.

Tăng cường quản lý, giám sát việc sử dụng kinh phí bảo đảm hiệu quả, tránh

trùng lặp, lãng phí; ưu tiên các nhiệm vụ ngầm hóa và sử dụng chung hạ tầng kỹ thuật.

6. Tăng cường hợp tác với các doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức nghiên cứu trong nước và quốc tế

- Triển khai hợp tác liên ngành trong việc sử dụng chung hạ tầng kỹ thuật giữa viễn thông, điện lực, cấp thoát nước, giao thông và chiếu sáng đô thị; rà soát, hoàn thiện các cơ chế, chính sách về chia sẻ hạ tầng kỹ thuật thụ động.

- Triển khai hợp tác giữa cơ quan nhà nước và doanh nghiệp nền tảng số trong nghiên cứu, phát triển các nền tảng số chất lượng cao và trong tuyên truyền, phổ biến, đào tạo kỹ năng số cho người dân, nhằm nâng cao năng lực số cộng đồng và thúc đẩy phát triển kinh tế số, xã hội số toàn diện.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí thực hiện kế hoạch từ ngân sách nhà nước bao gồm chi thường xuyên và chi đầu tư phát triển được cân đối hàng năm cho các cơ quan, đơn vị, địa phương; kinh phí tự cân đối và huy động từ các nguồn hợp pháp để thực hiện nhiệm vụ.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Khoa học và Công nghệ

- Là cơ quan đầu mối chủ trì, hướng dẫn, đôn đốc, phối hợp với các sở, ban, ngành và địa phương tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch; định kỳ hằng năm báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh về kết quả triển khai thực hiện chuyển đổi số của tỉnh.

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương có liên quan xây dựng các cơ chế, chính sách liên quan đến việc thực hiện Kế hoạch, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan báo chí trên địa bàn tỉnh xây dựng kế hoạch, triển khai công tác thông tin, tuyên truyền rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng để các cấp, các ngành, đông đảo người dân và doanh nghiệp hiểu và tham gia vào Kế hoạch.

- Chủ trì đánh giá, xếp hạng chuyển đổi số của các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các xã, phường trên địa bàn tỉnh.

- Tham mưu tổng kết đánh giá kết quả triển khai thực hiện Kế hoạch này.

2. Công an tỉnh

- Chủ trì bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng phục vụ kết nối, tích hợp, chia sẻ thông tin – dữ liệu giữa các hệ thống; bảo vệ hệ thống thông tin và hạ tầng chuyển đổi số của tỉnh.

- Chủ trì, triển khai các nội dung liên quan đến việc sử dụng, kết nối, chia

sở dữ liệu trên địa bàn tỉnh đảm bảo phù hợp với Khung kiến trúc dữ liệu quốc gia, Khung quản trị, quản lý dữ liệu quốc gia, Từ điển dữ liệu dùng chung tại Quyết định số 2439/QĐ-TTg ngày 04/11/2025 của Thủ tướng Chính phủ.

3. Sở Tài chính

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu bố trí kinh phí ngân sách nhà nước theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công, quy định của pháp luật về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số và các văn bản pháp luật có liên quan để thực hiện Kế hoạch.

4. Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh và các địa phương

- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, xây dựng kế hoạch triển khai cụ thể để triển khai tại đơn vị, địa phương mình; phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ và các đơn vị có liên quan tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch đúng mục tiêu và tiến độ đề ra.

- Các cơ quan tại địa phương chủ động nghiên cứu Danh mục và kế hoạch triển khai các nền tảng số quốc gia, nền tảng số dùng chung của ngành, lĩnh vực, vùng tại Quyết định số 2618/QĐ-BKHCN ngày 11/9/2025 của Bộ Khoa học và Công nghệ để xác định các nền tảng liên quan đến lĩnh vực hoạt động và nghiệp vụ của cơ quan, đơn vị mình; có trách nhiệm tổ chức triển khai sử dụng nền tảng số dùng chung và thực hiện đầy đủ quyền, trách nhiệm của chủ quản dữ liệu đối với dữ liệu phát sinh trong quá trình sử dụng nền tảng số này.

VI. DANH MỤC NHIỆM VỤ: Chi tiết tại Phụ lục kèm theo.

Trên đây là Kế hoạch chuyển đổi số tỉnh Gia Lai giai đoạn 2026-2030, yêu cầu Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các xã, phường và các cơ quan, đơn vị liên quan nghiêm túc tổ chức triển khai thực hiện. Trong quá trình triển khai, nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị các cơ quan, đơn vị, địa phương kịp thời phản ánh về Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

PHỤ LỤC
DANH MỤC 35 NHIỆM VỤ CHUYỂN ĐỔI SỐ TỈNH GIA LAI GIAI ĐOẠN 2026-2030

TT	Nhiệm vụ	Mục tiêu chính của nhiệm vụ	Đơn vị thực hiện	Thời hạn hoàn thành
I	Thể chế số			
1	Rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới các văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền của địa phương.	Đảm bảo triển khai theo quy định Luật Chuyển đổi số, Luật Trí tuệ nhân tạo và các nghị định của Chính phủ và chính sách liên quan đến chuyển đổi số. Ban hành tối thiểu 02 văn bản quy phạm pháp luật địa phương phù hợp với Luật Chuyển đổi số, Luật Trí tuệ nhân tạo theo từng năm kế hoạch	Sở Khoa học và Công nghệ	Hàng năm
2	Xây dựng Nghị quyết của HĐND tỉnh triển khai Luật Công nghiệp Công nghệ số số 71/2025/QH15	(1) Nghị quyết Quy định tiêu chí, điều kiện, trình tự, thủ tục, nội dung và mức hỗ trợ từ ngân sách tỉnh đối với phát triển nhân lực và khởi nghiệp sáng tạo trong công nghiệp công nghệ số (2) Nghị quyết Quy định tiêu chí, điều kiện, trình tự, thủ tục, nội dung và mức hỗ trợ từ ngân sách tỉnh đối với Dự án công nghệ số, công nghiệp bán dẫn, sản xuất thiết bị điện tử và thiết kế chip bán dẫn.	Sở Khoa học và Công nghệ	Tháng 12 năm 2026
3	Xây dựng Đề án phát triển Đô thị thông minh tỉnh Gia Lai	Triển khai thực hiện Nghị định số 269/2025/NĐ-CP ngày 14/10/2025 của Chính phủ về phát triển đô thị thông minh	Sở Xây dựng	Tháng 12 năm 2026
II	Phát triển hạ tầng, hệ thống, nền tảng số, dữ liệu số			
1	Triển khai mạng 5G trên địa bàn tỉnh	Phát triển hạ tầng mạng 5G phủ đến 100% khu công nghiệp, khu đô thị, trung tâm hành chính, khu du lịch, đảm bảo triển khai phát triển chính quyền số, kinh tế số, xã hội số.	Sở Khoa học và Công nghệ	Thường xuyên

TT	Nhiệm vụ	Mục tiêu chính của nhiệm vụ	Đơn vị thực hiện	Thời hạn hoàn thành
2	Phát triển hạ tầng viễn thông, Internet băng rộng tốc độ cao trên địa bàn tỉnh	Nâng cấp, mở rộng hạ tầng băng rộng cố định và di động; bảo đảm người dân, doanh nghiệp và cơ quan nhà nước có khả năng tiếp cận dịch vụ Internet tốc độ cao, làm nền tảng triển khai các dịch vụ số, chính quyền số, kinh tế số và xã hội số.	Sở Khoa học và Công nghệ	Hằng năm
3	Nâng cấp, mở rộng Trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh theo mô hình điện toán đám mây.	Nâng cấp Trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh theo mô hình điện toán đám mây dùng riêng kết nối với hệ thống đám mây của Chính phủ nhằm tạo môi trường để lưu trữ, chia sẻ tài nguyên, phát triển dịch vụ được linh hoạt, hiệu quả, nhanh chóng.	Sở Khoa học và Công nghệ	Tháng 12 năm 2026
4	Triển khai IPv6 đối với hệ thống thông tin dùng chung tại Trung tâm Tích hợp dữ liệu tỉnh và Cổng/Trang thông tin điện tử của cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh được triển khai, vận hành trên nền IPv6	100% hệ thống thông tin dùng chung tại Trung tâm Tích hợp dữ liệu tỉnh hỗ trợ truy cập song song IPv4/IPv6, tiến tới vận hành ưu tiên IPv6 và 100% Cổng/Trang thông tin điện tử của cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh được triển khai, vận hành trên nền IPv6	Sở Khoa học và Công nghệ	Tháng 12 năm 2026
5	Phát triển, hoàn thiện Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu (LGSP) tỉnh	Hệ thống vận hành ổn định, đáp ứng các mục tiêu của từng thời kỳ	Sở Khoa học và Công nghệ	Hằng năm
6	Triển khai, duy trì các hệ thống thông tin dùng chung của tỉnh	6.1. Hệ thống theo dõi chỉ đạo, điều hành dựa trên dữ liệu: Quản trị và điều hành; Báo cáo và giám sát dữ liệu; Quản lý chỉ tiêu kinh tế xã hội và an sinh; Tương tác và phản ánh; Tích hợp và chia sẻ dữ liệu. Phục vụ công tác chỉ đạo của lãnh đạo UBND tỉnh, hỗ trợ ra quyết định hoàn toàn dựa trên dữ liệu.	Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Hằng năm

TT	Nhiệm vụ	Mục tiêu chính của nhiệm vụ	Đơn vị thực hiện	Thời hạn hoàn thành
		<p>6.2. Ứng dụng công dân số (iGiaLai) theo cung cấp các tính năng, dịch vụ, tiện ích đô thị thông minh cho người dân, doanh nghiệp.</p> <p>6.3. Hệ thống thông tin kinh tế - xã hội 2 cấp phục vụ công tác tổng hợp, thống kê, đánh giá tổng thể các chỉ tiêu kinh tế xã hội, hỗ trợ ra quyết định chính xác, kịp thời.</p> <p>6.4. Hệ thống giám sát và phân tích thông tin trên môi trường mạng phục vụ nắm bắt thông tin liên quan đến tình hình trong tỉnh, phục vụ tốt cho các cơ quan, đơn vị trong công tác nắm bắt thông tin trên mạng xã hội nhanh chóng, kịp thời.</p> <p>6.5. Hệ thống thông tin nguồn: Quản trị, điều hành hệ thống truyền thanh cơ sở; ứng dụng công nghệ CNTT-Viễn thông vận hành hoạt động các cụm thông minh.</p>		
7	Triển khai hệ thống cửa khẩu số	Triển khai chuyển đổi Cửa khẩu quốc tế Lệ Thanh theo mô hình cửa khẩu số nhằm tăng cường công tác quản lý, giám sát của các cơ quan nhà nước; tạo kênh thông tin, kết nối đa chiều giữa cơ quan nhà nước với doanh nghiệp trong và ngoài nước tham gia hoạt động xuất nhập khẩu; tăng cường khả năng tự động hóa, giảm thiểu các tác động của con người trong các hoạt động tại Cửa khẩu	Ban Quản lý Khu kinh tế	Tháng 12 năm 2026

TT	Nhiệm vụ	Mục tiêu chính của nhiệm vụ	Đơn vị thực hiện	Thời hạn hoàn thành
8	Triển khai các nền tảng số lĩnh vực thanh tra; khiếu nại, tố cáo	Triển khai đầy đủ các nền tảng quốc gia về giải quyết khiếu nại, tố cáo; thanh tra; kiểm soát tài sản, thu nhập theo hướng dẫn của Thanh tra Chính phủ; 100% dữ liệu kết nối, tích hợp với nền tảng quốc gia đúng tiêu chuẩn	Thanh tra tỉnh	Theo tiến độ của Trung ương
9	Triển khai xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai	Xây dựng và hoàn thiện hệ thống bản đồ địa chính và cập nhật cơ sở dữ liệu quản lý đất đai thống nhất toàn tỉnh theo quy định; Hiện đại hóa hệ thống quản lý, nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước về đất đai.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Hoàn thiện năm 2026 và cập nhật hằng năm
10	Xây dựng, phát triển, hoàn thiện Trung tâm IOC tỉnh; Kho dữ liệu số dùng chung của tỉnh.	Hệ thống vận hành ổn định, đáp ứng các mục tiêu của từng thời kỳ	Sở Khoa học và Công nghệ	Hoàn thiện năm 2026 và cập nhật hằng năm
11	Triển khai hệ thống quản lý văn bản và hồ sơ công việc có chứa nội dung bí mật nhà nước	Triển khai theo Quyết định số 2481/QĐ-TTg ngày 13/11/2025 của Thủ tướng Chính phủ, đảm bảo hệ thống vận hành ổn định, đáp ứng các mục tiêu của từng thời kỳ	Các đơn vị, địa phương	Hằng năm
12	Số hóa văn bằng chứng chỉ	Dữ liệu văn bằng chứng chỉ được cập nhật vào CSDL văn bằng chứng chỉ của Bộ Giáo dục và Đào tạo bảo đảm đầy đủ, chính xác theo Kế hoạch số 2355/KH-BGDĐT ngày 22/12/2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc số hóa văn bằng chứng chỉ đã cấp	Sở Giáo dục và Đào tạo	Theo Kế hoạch của Bộ GDĐT
13	Tiếp tục triển khai đề án phát triển giáo dục STEM cho học	Triển khai đồng bộ và hiệu quả giáo dục STEM trong các cơ sở giáo dục phổ thông nhằm phát triển	Sở Giáo dục và Đào tạo	Theo đề án được phê duyệt

TT	Nhiệm vụ	Mục tiêu chính của nhiệm vụ	Đơn vị thực hiện	Thời hạn hoàn thành
	sinh phổ thông trên địa bàn tỉnh.	phẩm chất, năng lực khoa học – công nghệ – kỹ thuật – toán học cho học sinh; thúc đẩy đổi mới phương pháp dạy học gắn với thực tiễn, sáng tạo, khởi nghiệp và định hướng nghề nghiệp, đáp ứng yêu cầu phát triển nguồn nhân lực trong thời kỳ chuyển đổi số và hội nhập.		
14	Xây dựng WebGIS quản lý trực tuyến cơ sở dữ liệu công trình thủy lợi, đê điều, nước sạch nông thôn và phòng chống thiên tai tỉnh Gia Lai	WebGIS trực tuyến quản lý cơ sở dữ liệu công trình thủy lợi, đê điều, nước sạch nông thôn và phòng chống thiên tai trên địa bàn tỉnh Gia Lai: - Cơ sở dữ liệu (CSDL) GIS đã được chuẩn hóa và số hóa; - Hệ thống phần mềm WebGIS hoàn chỉnh; - Các phân hệ chức năng nghiệp vụ (Modules): Quản lý thủy lợi, đê điều; Quản lý nước sạch nông thôn; Hỗ trợ phòng chống thiên tai.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Tháng 12 năm 2027
15	Triển khai hệ thống thiết bị IoT theo dõi điện, nước, xả thải, môi trường trong KCN	Triển khai thực hiện mô hình KCN thông minh; kết nối dữ liệu sản xuất với nền tảng IoT tỉnh.	Ban Quản lý Khu kinh tế	Năm 2027
16	Xây dựng cơ sở dữ liệu ngành Công Thương	Xây dựng cơ sở dữ liệu và nền tảng phục vụ công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành của Sở Công Thương; thúc đẩy cải cách thủ tục hành chính dựa trên nền tảng số	Sở Công Thương	Hàng năm
17	Thu thập, cập nhật cơ sở dữ liệu, thông tin về nhà ở và thị trường bất động sản	Thông tin về nhà ở và thị trường bất động sản được cập nhật bảo đảm tuân thủ đầy đủ quy định tại Nghị định số 357/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ. Tăng cường khả năng kết nối, chia sẻ,	Sở Xây dựng	Hàng năm

TT	Nhiệm vụ	Mục tiêu chính của nhiệm vụ	Đơn vị thực hiện	Thời hạn hoàn thành
		khai thác và phân tích dữ liệu giữa Bộ Xây dựng, phục vụ hiệu quả công tác quản lý nhà nước, hoạch định chính sách và công bố thông tin minh bạch về thị trường bất động sản.		
III	Phát triển nhân lực số			
1	Bố trí nhân lực chuyên trách công nghệ thông tin, chuyển đổi số	Bảo đảm nguồn nhân lực chuyên trách công nghệ thông tin, chuyển đổi số tại cơ sở	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường	Thường xuyên
2	Triển khai Đề án phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao về bán dẫn, AI và an toàn – an ninh mạng	Phát triển đội ngũ nhân lực chất lượng cao trong các lĩnh vực công nghệ mũi nhọn Đào tạo tối thiểu 500 sinh viên/năm chuyên ngành bán dẫn, AI, an toàn-an ninh mạng tại Trường Đại học Quy Nhơn; tỷ lệ có việc làm sau tốt nghiệp \geq 80%	Trường Đại học Quy Nhơn	Theo đề án được phê duyệt
3	Tiếp tục triển khai cơ chế, chính sách thu hút chuyên gia khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh.	Thu hút, giữ chân và phát huy hiệu quả nguồn nhân lực chuyển đổi số chất lượng cao	Sở Nội vụ, Sở Khoa học và Công nghệ	Thường xuyên
4	Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng chuyên sâu cho cán bộ chuyên trách về chuyển đổi số và an toàn thông tin	Nâng cao kỹ năng số cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động, hình thành đội ngũ nhân lực nòng cốt về chuyển đổi số phục vụ xây dựng chính quyền số.	Sở Khoa học và Công nghệ, Công an tỉnh, Sở Nội vụ	Thường xuyên
IV	An toàn thông tin mạng			
1	Triển khai duy trì Trung tâm giám sát an toàn thông tin	Thuê phần mềm giám sát, phát hiện và phản hồi tấn công trên thiết bị đầu cuối (EDR) và phần mềm thu	Sở Khoa học và Công nghệ	Thường xuyên

TT	Nhiệm vụ	Mục tiêu chính của nhiệm vụ	Đơn vị thực hiện	Thời hạn hoàn thành
	mạng theo mô hình 4 lớp tại Trung tâm dữ liệu của tỉnh	thập, quản lý thông tin và các sự kiện bảo mật tập trung để giám sát ATTT đối với hệ thống máy chủ, thiết bị mạng tại Trung tâm dữ liệu tỉnh		
2	Xây dựng, triển khai Dự án Trung tâm an ninh mạng tỉnh Gia Lai	Hình thành Trung tâm an ninh mạng của tỉnh	Công an tỉnh	Năm 2026 - 2027
3	Tổ chức các chương trình diễn tập đối với các hệ thống thông tin trên địa bàn tỉnh	Tổ chức các chương trình diễn tập, tập huấn bảo đảm an toàn thông tin mạng với các phương án, kịch bản phù hợp thực tế.	Công an tỉnh	Hàng năm
4	100% hệ thống thông tin được phê duyệt và triển khai phương án bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ.	Thường xuyên rà soát, cập nhật, phê duyệt cấp độ an toàn hệ thống thông tin và triển khai phương án bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ.	Công an tỉnh	Thường xuyên
5	Đầu tư, nâng cấp trang thiết bị, thuê dịch vụ CNTT để đáp ứng phương án bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ đã được phê duyệt	Đầu tư, nâng cấp trang thiết bị và thuê dịch vụ chuyên nghiệp nhằm nâng cao năng lực bảo đảm an toàn thông tin cho các hệ thống cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến phục vụ người dân và doanh nghiệp và Trung tâm dữ liệu tỉnh.	Các sở, ngành, địa phương	Hàng năm
V	Phát triển kinh tế số, xã hội số			
1	Triển khai các hệ sinh thái dịch vụ số thông minh.	Phát động, triển khai hiệu quả chương trình “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam trên không gian số”.	Sở Công Thương	Hàng năm
2	Phát triển “Nông nghiệp công nghệ cao - Nông dân số - Nông thôn thông minh – Nông thôn mới hiện đại”	Xây dựng thí điểm xã nông thôn mới hiện đại	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Hàng năm

TT	Nhiệm vụ	Mục tiêu chính của nhiệm vụ	Đơn vị thực hiện	Thời hạn hoàn thành
3	Triển khai hỗ trợ các doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, hộ kinh doanh ứng dụng máy móc thiết bị tiên tiến, tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất công nghiệp	<p>- Hỗ trợ các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh ứng dụng các máy móc thiết bị tiên tiến nâng cao năng suất, hướng đến tự động hóa và thay thế phương pháp thủ công.</p> <p>- 100% doanh nghiệp nhỏ và vừa được tư vấn, hỗ trợ tối thiểu 01 giải pháp tự động hóa/nền tảng số/năm</p>	Sở Công Thương	Hằng năm
4	Chuyển đổi số để “tối ưu hóa” các dịch vụ xã hội cơ bản trên các lĩnh vực: y tế, giáo dục, lao động	Về y tế (Sở sức khỏe điện tử, bệnh án điện tử...); về giáo dục (học bạ số, quản lý học sinh, sinh viên...); về lao động (tuyển dụng, đào tạo, phúc lợi xã hội...)	Sở Y tế, Sở GDĐT, Sở Nội vụ	Hằng năm
5	Triển khai mô hình “Xã hạt nhân về khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số”	Triển khai hiệu quả mô hình theo Quyết định số 3306/QĐ-UBND ngày 30/12/2025 của UBND tỉnh về việc ban hành Đề án Phát huy vai trò của đoàn viên, thanh niên trong chuyển đổi số cộng đồng trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2026 – 2030	Tỉnh đoàn	Hằng năm